TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2024/HS-ST
Ngày : 30/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Hiền

2. Bà Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Như Quỳnh – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 181/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2024/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

TRẦN THỊ THU H; sinh năm 1990 tại Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú: phường A, thành phố D, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn V (đã chết) và bà Ngô Thị Ư, sinh năm 1965; Chồng: Nguyễn Huy B (ly hôn); Con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 173/HS-ST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Bản án số 245/HS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm 03 tháng về hai tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; Bản án số 151/HS-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt 04 năm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt chung của 3 bản án, buộc bị cáo chấp hành chung là 12 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2020; Bị cáo đang chấp hành án tại Đội 20, Phân trại số 5, Trại giam Xuân Lộc - Bộ Công an, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin vắng mặt)

- *Bị hại* : Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1985; địa chỉ liên hệ: xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Thu H là nhân viên bán hàng qua điện thoại của Công ty Tài chính F. Nhiệm vụ của H là nhận danh sách khách hàng đủ điều kiện vay tiền và liên hệ khách hàng tư vấn về khoản vay, nếu khách hàng đồng ý vay, H hướng dẫn khách hàng đến các điểm bán hàng để lập và ký kết hồ sơ vay, không được ký kết hồ sơ trực tiếp với khách hàng, cũng như không được phân công làm thủ tục thực hiện thanh lý hợp đồng cho khách hàng.

Vào khoảng giữa tháng 02/2019, do cần tiền tiêu xài cá nhân, Trần Thị Thu H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị T (là khách vay tiền của Công ty F), bằng hình thức đề nghị giúp chị T tất toán hợp đồng vay để vay được khoản tiền cao hơn. Để chị T tin tưởng và dễ dàng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T, H chuẩn bị sẵn Biên bản thanh lý hợp đồng vay và Biên lai thu tiền, thời điểm này H có quen 01 người làm ở bộ phận thu ngân Hội sở Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), Quận 1 tên Phương Anh (chưa rõ lai lịch), H thấy Phương Anh có sẵn các mẫu Biên bản thanh lý hợp đồng vay trống, chưa ghi nội dung và có 01 dấu vuông ghi chữ "VPBank Hội sở - Đã tất toán" nên H đã lén lấy trộm 01 mẫu Biên bản thanh lý hợp đồng vay đã có đóng sẵn dấu vuông "VPBank Hội sở - Đã tất toán". Sau khi lấy được mẫu biên bản thanh lý hợp đồng vay này thì H liên lạc với chị T, để làm thủ tục tất toán khoản vay cũ số 0008197 với số tiền 27.100.000 đồng để H làm khoản vay mới cho chị T, chị T tin tưởng H và thống nhất gặp H vào sáng ngày 25/02/2019.

Khoảng 09 giờ ngày 25/02/2019, H và chị T gặp nhau tại quán Coffee House bên cạnh Tòa nhà Phường E, quận Tân Bình. Tại đây, H viết vào Biên bản thanh lý hợp đồng vay nội dung chị T tất toán khoản vay số 0008197 với số tiền 27.100.000 đồng, chị T đưa cho H 27.100.000 đồng, đồng thời H và chị T ký vào Biên bản thanh lý hợp đồng vay, Biên lai thu tiền mà H đã chuẩn bị sẵn trước đó. Sau khi nhận tiền H không tất toán khoản vay cho chị T mà chiếm đoạt số tiền 27.100.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Ngày 25/02/2019, chị T gọi điện thoại cho H và nói còn 01 hợp đồng số 0012989 vay tại FECredit muốn tất toán luôn khoản vay này. H hẹn gặp chị T vào ngày 26/02/2019, tại quán Coffee House cạnh tòa nhà Phường E, quận Tân Bình, tại đây H nói chị T đưa tiền cho H để H tất toán khoản vay số 0012989, chị T chuyển khoản số tiền 6.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Sacombank số 060109520392 tên Nguyễn Thị T đến tài khoản ngân hàng của H số 21510001454650, chị T đưa thêm cho H 900 USD (Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 328/HĐĐGTS-TTHS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Tân Bình kết luận: 900 USD vào thời điểm ngày 26/02/2019 có giá trị 20.928.600 đồng). Để chị T không nghi ngờ, H vẫn nhắn tin qua Zalo với chị T. Sau đó, đến khi chị T phát hiện việc H không tất toán khoản vay nên yêu cầu H phải thanh toán khoản vay cho chị T và H đã thanh toán 03

tháng tiền vay cho các hợp đồng vay chị T với tổng số tiền 13.629.142 đồng, cụ thể:

+ Khoản vay số 0008197: H đóng 3 tháng 3, 4, 5/2019 cho chị T với tổng số tiền là 2.736.142 đồng.

+ Khoản vay số 0012989: H đóng 3 tháng 3, 4, 5/2019 cho chị T với tổng số tiền là 10.893.000 đồng.

Do không liên hệ được với H nên chị T đến Cơ quan Công an trình báo.

Quá trình điều tra, Trần Thị Thu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng:

+ 01 USB màu xanh sẫm hiệu Toshiba dung lượng 08GB chứa dữ liệu ảnh chụp màn hình điện thoại nội dung nhắn tin giữa Nguyễn Thị T và Trần Thị Thu H.

+ 01 Giấy cam kết ngày 09/5/2019 có chữ viết và chữ ký của Trần Thị Thu H; 01 Biên bản thanh lý hợp đồng vay ngày 25/02/2019 có chữ ký của Nguyễn Thị T, chữ viết và chữ ký của Trần Thị Thu H; 01 Biên lai thu tiền ngày 25/02/2019 có chữ ký của Nguyễn Thị T và Trần Thị Thu H.

Tại bản Kết luận giám định số 273/KLGĐ-TT của Phòng PC09, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

"1. Chữ viết nội dung và chữ viết họ tên "Trần Thị Thu H" (trừ phần chữ viết đóng khung bằng bút chì) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (Biên bản thanh lý hợp đồng vay); chữ viết dưới mục "Người thu tiền" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 (Biên lai thu tiền) và chữ viết toàn bộ nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 (Giấy cam kết) so với chữ viết đứng tên "Trần Thị Thu H" trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 (Hồ sơ lý lịch xin việc của Trần Thị Thu H nộp vào Công ty Tài chính F) do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký dạng chữ viết đứng tên "Trần Thị Thu H" trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 (Biên bản thanh lý hợp đồng vay, Biên lai thu tiền, Giấy cam kết) so với chữ viết đứng tên "Trần Thị Thu H" trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 (Hồ sơ lý lịch xin việc của Trần Thị Thu H nộp vào Công ty Tài chính F) do cùng một người viết ra.

Trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu bồi thường số tiền 40.399.458 đồng.

Tại bản cáo trạng số 181/CT-VKS-TB ngày 26 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Trần Thị Thu H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị hại Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt, bị cáo Trần Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, thừa nhận hành vi phạm tội và đồng ý bồi thường theo yêu cầu bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát tại phần luận tội đã tóm tắt lại hành vi phạm tội của bị cáo, nêu ra các nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nêu rõ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị Thu H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt với 12 năm 03 tháng tù theo Bản án số 151/2021/HS-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị T số tiền 40.399.458 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Trần Thị Thu H, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị Thu H có hành vi dùng thủ đoạn gian dối là hỗ trợ khách hàng tất toán hợp đồng để vay được khoản tiền cao hơn (chuẩn bị sẵn Biên bản thanh lý hợp đồng vay và Biên lai thu tiền) làm cho bị hại tin tưởng giao tài sản, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 54.028.600 đồng của chị Nguyễn Thị T, hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong thời gian từ ngày 25/02/2019 đến ngày 26/02/2019 bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của chị T 2 lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu trách nhiệm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 2 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội. Nó vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của tổ chức, công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam, muốn có tiền phục vụ nhu cầu cá nhân mà bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Xét nhân thân bị cáo xấu, liên tục có hành vi chiếm đoạt tài sản của tổ chức, cá nhân khác tại nhiều địa phương, Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Nhân thân bị cáo đã nhiều lần bị xét xử theo Bản án số 173/HS-ST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Bản án số 245/HS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm 03 tháng về hai tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; Bản án số 151/HS-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt 04 năm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt chung của 3 bản án, buộc bị cáo chấp hành chung là 12 năm 03 tháng tù. Do hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện tại quận Tân Bình xảy ra trước nên không xác định các bản án trên là tiền án của bị cáo. Các bản án trên có hiệu lực pháp luật và bị cáo đang chấp hành hình phạt tại Trại giam Xuân Lộc nên cần tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 40.399.458 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường, Hội đồng xét xử buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 40.399.458 đồng.

[5] Về tang vật vụ án:

01 USB màu xanh sẫm hiệu Toshiba dung lượng 08GB chứa dữ liệu ảnh chụp màn hình điện thoại nội dung nhắn tin giữa chị Nguyễn Thị T và Trần Thị Thu H; 01 Giấy cam kết ngày 09/5/2019 có chữ viết và chữ ký của Trần Thị Thu H; 01 Biên bản thanh lý hợp đồng vay ngày 25/02/2019 có chữ ký của bà Nguyễn Thị T, chữ viết và chữ ký của Trần Thị Thu H; 01 Biên lai thu tiền ngày 25/02/2019 có chữ ký của bà Nguyễn Thị T và Trần Thị Thu H được lưu hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 48, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 468, 584, 585 Bộ luật Dân sự.

Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo: Trần Thị Thu H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp với hình phạt 12 năm 03 tháng tù theo bản án số 151/2021/HS-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, bị cáo Trần Thị Thu H phải chấp hành hình phạt chung là 14 (Mười bốn) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2020.

Buộc bị cáo Trần Thị Thu H bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 40.399.458 (Bốn mươi triệu ba trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi tám) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 01 USB màu xanh sẫm hiệu Toshiba dung lượng 08GB chứa dữ liệu ảnh chụp màn hình điện thoại nội dung nhắn tin giữa Nguyễn Thị T và Trần Thị Thu H; 01 Giấy cam kết ngày 09/5/2019 có chữ viết và chữ ký của Trần Thị Thu H; 01 Biên bản thanh lý hợp đồng vay ngày 25/02/2019 có chữ ký của Nguyễn Thị T, chữ viết và chữ ký của Trần Thị Thu H; 01 Biên lai thu tiền ngày 25/02/2019 có chữ ký của Nguyễn Thị T và Trần Thị Thu H.

[2] Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 2.019.973 (Hai triệu không trăm mười chín ngàn chín trăm bảy mươi ba) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

[3] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc ngày Tòa án tống đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm

2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Ngọc Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA